TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



HỌ TÊN TÁC GIẢ NGUYỄN MINH TRÍ MSSV: 190335 LỚP: DH19TIN01

TÊN ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE BÁN HÀNG ĐIỆN TỬ

> BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP Ngành: Công Nghệ thông Tin

> > Mã số ngành: 7480201

Tháng 6/2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

HỌ TÊN TÁC GIẢ NGUYỄN MINH TRÍ MSSV: 190335 LỚP: DH19TIN01

TÊN ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE BÁN HÀNG ĐIỆN TỬ

BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã số ngành: 7480201

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN NGÔ HỒ ANH KHÔI

LÒI CẨM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn đến quý Thầy, Cô khoa Công nghệ - Thông tin Trường Đại Học Nam Cần Thơ, đã giảng dạy và truyền đạt những kiến thức cho em trong quá trình học tập.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Ngô Hồ Anh Khôi đã hướng dẫn, và giải đáp những vấn đề cho em trong suốt thời gian thực hiện để em hoàn thành bài báo cáo của mình.

Do thời gian tìm hiểu và học tập còn hạn chế và lần đầu thực hiện làm đồ án nên không tránh khỏi nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến của thầy cô.

Cuối lời, em xin chúc sức khỏe và thành công nhất đến qúy Thầy Cô Khoa Công Nghệ Thông Tin Trường Đại Học Nam Cần Thơ.

Em xin chân thành cảm ơn!

Cần thơ, ngày...tháng ... năm 2023

Sinh viên thực hiên

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN Cần Thơ, ngày....tháng.... năm 20...

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN Cần Thơ, ngày....tháng.... năm 20...

GIỚI THIỆU CÔNG TY THỰC TẬP

1. Giới thiệu về công ty:

PLPSOFT – Công ty TNHH CNPM Phúc Lam Phương được thành lập vào ngày 27/6/2019. Tiền thân của công ty là Trung tâm TIN HỌC NAM VIỆT được thành lập năm 2003, đến năm 2019, được mở rộng thành công ty PLPSoft.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin bao gồm: sản xuất các sản phẩm phần mềm, thiết kế website và dịch vụ tư vấn, thiết kế, thi công liên quan đến thiết bi tin học và thiết bi an ninh.

2. Thông tin về công ty

- Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHÊ PHẦN MỀM PHÚC LAM PHƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PHUC LAM PHUONG SOFTWARE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Tên Công ty viết tắt: PLP SOFTWARE TECHNOLOGY CO., LTD
- Mã số thuế: 1501102572
- Giấy phép kinh doanh: 1501102572
- Lĩnh vực: Xuất bản phần mềm

3. Trụ sở chính:

Địa chỉ trụ sở chính: số M66, đường Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

4. Người đại diện theo pháp luật:

Thông tin người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): VÕ VĂN PHÚC
- Chức danh quản lý: Giám đốc.

5. Thông tin liện hệ

Địa chỉ: số M66, đường Đinh Tiên Hoàng, phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0909.141.661(Phone, Zalo) – 079.683.2269 – 084.5555.639

Email: plpsoft.vn@gmail.com

Website công ty: https://plpsoft.vn

Website bán hàng: https://shop.plpsoft.vn

Page: https://facebook.com/plpsoft

MỤC LỤC

DANE	I MỤC I	HÌNH ẢNH	0
DANE	I MŲC S	SO ĐÒ	1
DANE	I MŲC I	BẢNG CỞ SỞ DỮ LIỆU	2
DANE	I MŲC (CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
CHƯ	ONG 1:	KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG	5
1.1	Giới th	iệu chung	5
1.2	Mô tả l	noạt động của cửa hàng	5
1.3	Yêu cầ	u của hệ thống bán hàng qua mạng	6
CHƯ	ONG 2:	CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.	7
2.1	Cơ sở l	ý luận	7
2.2	Phương	g pháp nghiên cứu	11
CHƯ	ONG 3:	PHÂN TÍCH THIẾT KẾ UML	12
3.1	Phân tí	ch chức năng chương trình	12
3.2	Sơ đồ ı	ısecase	13
3.3	Sở đồ ı	usecase phân rã chức năng(mức 2)	16
CHƯ	ONG 4:	THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	18
4.1	Sơ đồ ơ	quan hệ thực thể	18
4.2	Các sơ	đồ luồng dư liệu	19
4.3	Các bả	ng CSDL	20
4.4	Sơ đồ ơ	cơ sở dữ liệu	23
CHƯ	ONG 5:	ĐẶT TẢ GIAO DIỆN	24
5.1	Giao di	iện người dùng	24
5.2	Giao di	iện quản trị	30
CHƯ	ONG 6:	THỬ NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH	39
CHƯ	ONG 7:	KÉT LUẬN	40
7.1	Nhận x	ét	40
7.2	Ưu điể	m	40
7.3	Nhược	điểm	40
7.4	Hướng	phát triển	40
TÀI L	JÊU TH	AM KHẢO	41

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Giao diện chính của Visual Studio	8
Hình 2: Giao diện làm việc của project	9
Hình 4: Giao diện trang chủ	
Hình 5: Giao diện trang sản phẩm	
Hình 6: Giao diện phần thông số kỹ thuật	25
Hình 7: Giao diện trang chi tiết sản phẩm	26
Hình 8: Giao diện trang tin tức	26
Hình 9: Giao diện phần đánh giá và bình luận	27
Hình 10: Giao diện trang đăng nhập	27
Hình 11: Giao diện trang giỏ hàng	28
Hình 12: Giao diên trang báo lỗi 404 Error	28
Hình 13: Giao diện trang đặt hàng	29
Hình 14: Giao diện trang đơn đặt hàng	29
Hình 15: Giao diện trang tổng quát	30
Hình 16: Giao diện trang quản lý tin tức	30
Hình 17: Giao diện trang thêm tin tức	31
Hình 18: Giao diện trang sửa tin tức	31
Hình 19: Giao diện trang xóa tin tức	32
Hình 20: Giao diện trang chi tiết tin tức	32
Hình 21: Giao diện trang quản lý sản phẩm	33
Hình 22: Giao diện trang thêm sản phẩm	33
Hình 23: Giao diện trang sửa sản phẩm	
Hình 24: Giao diện trang xóa sản phẩm	34
Hình 25: Giao diện trang chi tiết sản phẩm	35
Hình 26: Giao diện trang quản lý thông tin sản phẩm	35
Hình 27: Giao diện trang thêm thông tin sản phẩm	36
Hình 28: Giao diện trang sửa thông tin sản phẩm	36
Hình 29: Giao diện trang xóa thông tin sản phẩm	37
Hình 30: Giao diện trang chi tiết thông tin sản phẩm	37
Hình 31: Giao diện trang quản lý đơn đặt hàng	<i>3</i> 8
Hình 32: Giao diện trang chi tiết đơn đặt hàng	<i>3</i> 8

DANH MỤC SƠ ĐỔ

Sơ đồ 1: Sơ đồ cấu trúc của SQL Server	10
Sơ đồ 2: Sơ đồ usecase tổng quát	
Sơ đồ 3: Sơ đồ usecase khách hàng	
Sơ đồ 4: Sơ đồ usecase quản trị viên	
Sơ đồ 5: Sơ đồ tuần tự chức năng thêm sản phẩm	
Sơ đồ 6: Sơ đồ tuần tự chức năng sửa sản phẩm	15
Sơ đồ 7: Sơ đồ tuần tự chức năng xóa sản phẩm	
Sơ đồ 8: Sơ đồ tuần tự chức năng xử lý đơn hàng	
Sơ đồ 9: Phân rã usecase Quản lý thông tin	
Sơ đồ 10: Phân rã usecase Tìm kiếm	
Sơ đồ 11: Phân rã usecase Thống kê	17
Sơ đồ 12: Sơ đò quan hệ thực thể	
Sơ đồ 13: Sơ đồ luồng dữ liệu ngữ cảnh	19
Sơ đồ 14: Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1	
Sơ đồ 15: Sơ đồ cơ sở dữ liệu	

DANH MỤC BẢNG CỞ SỞ DỮ LIỆU

Bång 1: Bång TAI_KHOAN	20
Bång 2: Bång TIN_TUC	
Bång 3: Bång CHI_NHANH	
Bång 4: Bång CHI_TIET_HOA_DON	
Bång 5: Bång DANH_GIA	
Bång 6: Bång HOA_DON	
Bång 7: Bång KHACH_HANG	
Bång 8: Bång SAN_PHAM	
Bång 9: Bång THONG_TIN_SAN_PHAM	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giái thích
HQTCSDL	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
NSD	Người sử dụng
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CNTT	Công nghệ thông tin

LỜI NÓI ĐẦU

Trong sự phát triển không ngừng của xã hội thì nhu cầu của con người về cuộc sống ngày càng cao. Từ ý nghĩa thực tế đó mà đã nảy sinh ra nhiều loại hình dịch vụ để phần nào đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của con người. Các dịch vụ đó đa dạng về nhiều mặt với nhiều cách đáp ứng khác nhau. Và một loại hình dịch vụ khá phổ biến hiện nay đó là bán hàng qua mạng.

Hiện nay với sự phát triển vượt bậc của ngành CNTT, như thế dù ở bất cứ đâu chúng ta chỉ cân một chiếc mobile là có thể truy cập vào mạng Internet một cách dễ dàng. Đây cũng là một điều thúc đẩy hay gợi ý lớn để tôi tiếp tục xây dựng nên website này ngày một hoàn thiện hơn về phương thức thanh toán cũng như phương thức giao dịch qua mạng.

Nó không những làm giảm thời gian mà còn làm giảm chi phí cho mọi vấn đề về giao dịch của con người. Việc kinh doanh qua mạng không chỉ đáp ứng nhu cầu của khách hành mà còn giúp cho khách hàng có thể so sánh giá ở nhiều ơi đẻ mua những mặt hàng tốt, giá hợp lý. Với những kiến thức em đã được học và tìm hiểu và thu thập, em đã lựa chọn đề tài "Xây dựng Website bán hàng điện tử"

Em xin cảm ơn giáo viên hướng dẫn Ts. Ngô Hồ Anh Khôi đã hướng dẫn, và giải đáp những thắc mắc trong quá trình thực hiện đồ án.

CHƯƠNG 1: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

1.1 Giới thiệu chung

Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, Công nghệ Thông tin là một trong những ngành có vị thế dẫn đầu và có vai trò rất lớn trong sự phát triển chung đó. Các ứng dụng của công nghệ thông tin được áp dụng trong mọi lĩnh vực nghiên cứu khoa học cũng như trong mọi lĩnh vực của đời sống. Là một phần của Công nghê thông tin, Công nghê web đang có được sư phát triển và phổ biến rất nhanh bởi những lợi ích mà nó mang lại cho công đồng là rất lớn. Bằng việc lựa chon và thực hiện đề tài "Xây dựng website bán hàng điện tử", em muốn tìm hiểu và đưa ra một giải pháp tốt nhằm cho các doanh nghiệp bán linh kiên máy tính. Website mang lai cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp bán linh kiên máy tính nói riêng rất nhiều lợi ích như: Khả năng quảng cáo, phổ biến tên tuổi công ty rất nhanh trên môi trường mang toàn cầu; Việc kinh doanh sẽ mở cửa 24 tiếng / 1 ngày; giảm thiểu chi phí nhân viên cho tiếp thị, quảng cáo; dễ dàng nhận phản hồi từ phía khách hàng; cơ hội mở rộng liên kết và hợp tác ở phạm vi quốc tế v.v. Website bán hàng điện tử giúp doanh nghiệp cung cấp cho khách hàng những lựa chọn linh hoạt và tiện lợi trong việc tìm mua sản phẩm thông qua chức năng giỏ hàng. Các thông tin sản phẩm điện tử của doanh nghiệp được hiển thị chi tiết và rõ ràng với giá niêm yết trên từng sản phẩm, từ đó khách hàng dễ dàng nhân biết và lưa chon được thứ mình cần. Về phía doanh nghiệp, hệ thống cũng mang lại sự tiện dụng trong việc cập nhật và quản lý các thông tin cho website. Tạo khả năng liên lạc nhanh và dễ dàng với khách hàng.

1.2 Mô tả hoạt động của cửa hàng

1.2.1 Ban điều hành

Quản lý và phân phối hoạt động của cửa hàng. Quyết định giá chính thức cho từng mặt hàng.

1.2.2 Bộ phận bán hàng

Bán hàng qua mạng là hình thức mới mà người mua hàng phải tự thao tác thông qua từng bước có thể mua được hàng.

Các sản phẩm được sắp xếp , phân chia theo nhiều mẫu và có nhiều mặt hàng khác nhau để giúp cho người dùng dễ sử dụng, giúp cho người quản trị dễ thay thế, thêm một sản phẩm nào từ trong danh sách của từng sản phẩm thì những thông tin về loại sản phẩm đó hiện lên theo hàng hóa, hình ảnh, giá bán và những mô tả ngắn về loại sản phẩm, bên cạnh là trang liên kết để thêm sản phẩm vào trong giỏ mua hàng.

Giỏ mua hàng chứa các thông tin lần số lượng hàng hóa người dùng mua và có thể được cập nhật vào trong giỏ.

Khi khách hàng muốn đặt thì hệ thống hiển thị trang đăng nhập để xác nhận thông tin để tiếp tục mua hàng

1.3 Yêu cầu của hệ thống bán hàng qua mạng

1.3.1 Nhu cầu của người sử dụng

Nhu cầu của khách hàng khi truy cập vào trang web là tìm kiếm các sản phẩm. Do đó yêu cầu của chương trình là phải đáp ứng những nhu cầu đó, sao cho khách hàng có thể tìm kiếm nhanh chóng và hiệu quả các loại sản phẩm mà họ muốn và cần mua.

Chương trình phải có tính đa dạng và hấp dẫn để thu hút khách hàng quan tâm sản phẩm của trang web của mình.

Điều quan trọng trong mua bán hàng qua mạng là phải đảm bảo an toàn tuyệt đối những thông tin liên quan đến người dùng trong quá trình đặt mua hay thanh toán cũng được đảm bảo hàng được chuyển giao đúng nơi, đúng lúc.

1.3.2 Với vai trò của người quản trị

Trang web đòi hỏi người quản trị phải thường xuyên theo dõi các thông tin về hàng hóa, xử lý đúng yêu cầu, đúng chức năng do mình nhập vào và thao tác dễ dàng với công việc quản lý dữ liệu.

- Được phép chỉnh sửa xóa những thông tin sai, không phù hợp.
- Theo dõi quá trình mua bán.
- Theo dõi thông tin khách hàng nhập vào khi mua hàng, phải đảm bảo tính an toàn, bảo mật chính xác.
- Theo dõi, xử lý đơn hàng và cập nhật các thông tin liên quan đến đơn hàng của khách.
- Có thể xóa tất cả các cơ sở dữ liệu sau một thời gian xác định.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý luận

2.1.1 Đặt vấn đề nghiên cứu

Ngày nay công nghệ thông tin đã có những bước tiến phát triển mạnh mẽ về cả chiều sâu và chiều rộng. Máy tính điện tử giờ đây không còn là thứ quý hiếm mà đang ngày càng trở thành một công cụ làm việc và giải trí của con người. Những năm gần đây, việc cập nhật các thông tin cũng như thực hiện các giao dịch qua mạng internet ngày càng trở nên phổ biến. Và một loại hình kinh doanh qua hiện nay khá phổ biến đó là buôn bán qua mạng.

Hình thức kinh doanh này mang lại rất nhiều lợi ích cho người tiêu dùng cũng như nhà cung cấp. Phần lớn khách hàng có nhu cầu mua hàng thì phải đến các cửa hàng, siêu thị hay các trung tâm thương mại để lựa chọn những mặt hàng hợp với nhu câu của minh. Công việc này tốn kém nhiều thời gian và chi phí đi lại cho người tiêu dùng, đôi khi khách hàng còn mua phải hàng kém chất lượng. Tất cả những bất cập đó sẽ được loại bỏ với sự ra đời của website bán hàng qua mạng. Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, dù ở nhà hay công sở hay bất cứ nơi đâu có mạng internet, khách hàng chỉ cần truy cập vào những trang web bán hàng qua mạng là có thể tìm kiếm được những mặt hàng mà mình muốn mua, khách hàng có thể thực hiện các thủ tục được hướng dẫn trên trang web là có thể mua được hàng, nhân viên của cửa hàng đó sẽ giao hàng đến tận nơi cho khách hàng.

Ngoài những lợi ích mà Internet mang lại cho người tiêu dùng nó còn giúp cho nhà cung cấp phát triển rất nhiều trong việc mở rộng thị trường, giúp thương hiệu của cửa hàng được nhiều người biết đến, từ đó giảm được rất nhiều chi phí quảng cáo cho sản phẩm và rất thuận tiện trong việc quản lý sản phẩm và chăm sóc khách hàng theo đúng phương trâm đặt ra.

2.1.2 Mục tiêu nghiên cứu

Nhằm phân tích, và tiềm hiểu về quản lý cửa hàng điện tử, quy trình mua hàng và tìm kiếm sản phẩm, trải nghiệm mua hàng của người dùng. Từ đó đưa ra những đề xuất, giải pháp nhằm giúp cửa hàng giảm thiểu chi phí thuê mướn nhân viên, tiết kiệm thời gian làm việc, giúp quy trình làm việc, xem và mua hàng của của khách hàng được nhanh chóng và hiệu quả.

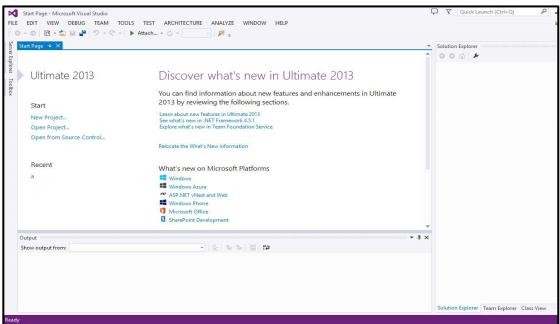
Để tiếp cận và góp phần đẩy mạnh sự phát triển của thương mại điện tử ở nước ta, tôi đã tìm hiểu và xây dựng website bán hàng điện tử.

2.1.3 Công cụ lập trình Visual Studio 2019

Microsoft Visual Studio là một môi trường phát triển tích hợp từ Microsoft.

Nó được sử dụng để phát triển chương trình máy tính cho Microsoft Windows, cũng như các trang web, các ứng dụng web và các dịch vụ web. Visual Studio sử dụng nền tảng phát triển phần mềm của Microsoft như Windows API, Windows Forms, Windows Presentation Foundation, Windows Store và Microsoft Silverlight. Nó có thể sản xuất cả hai ngôn ngữ máy và mã số quản lý.

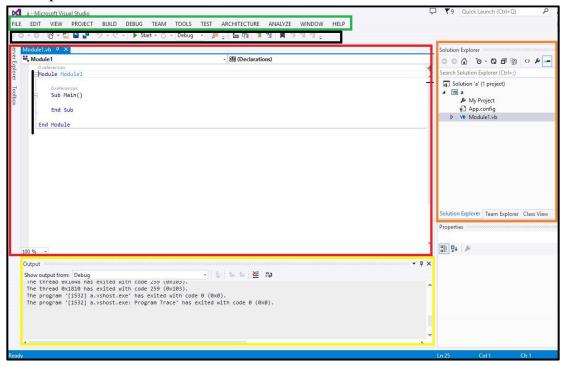
Visual Studio bao gồm một trình soạn thảo mã hỗ trợ IntelliSense cũng như cải tiến mã nguồn. Trình gỡ lỗi tích hợp hoạt động cả về trình gỡ lỗi mức độ mã nguồn và gỡ lỗi mức độ máy. Công cụ tích hợp khác bao gồm một mẫu thiết kế các hình thức xây dựng giao diện ứng dụng, thiết kế web, thiết kế lớp và thiết kế giản đồ cơ sở dữ liệu. Nó chấp nhận các plug-in nâng cao các chức năng ở hầu hết các cấp bao gồm thêm hỗ trợ cho các hệ thống quản lý phiên bản (như Subversion) và bổ sung thêm bộ công cụ mới như biên tập và thiết kế trực quan cho các miền ngôn ngữ cụ thể hoặc bộ công cụ dành cho các khía cạnh khác trong quy trình phát triển phần mềm.



Hình 1: Giao diện chính của Visual Studio

Visual Studio hỗ trợ nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau và cho phép trình biên tập mã và gỡ lỗi để hỗ trợ (mức độ khác nhau) hầu như mọi ngôn ngữ lập trình. Các ngôn ngữ tích hợp gồm có C, C++ và C++/CLI (thông qua Visual C++), VB.NET (thông qua Visual Basic.NET), C thăng (thông qua Visual C#) và F thăng (như của

Visual Studio 2019) Hỗ trợ cho các ngôn ngữ khác như J++/J thăng, Python và Ruby thông qua dịch vụ cài đặt riêng rẽ. Nó cũng hỗ trợ XML/XSLT, HTML/XHTML, JavaScript và CSS.



Hình 2: Giao diện làm việc của project

2.1.4 Lịch sử phát triển

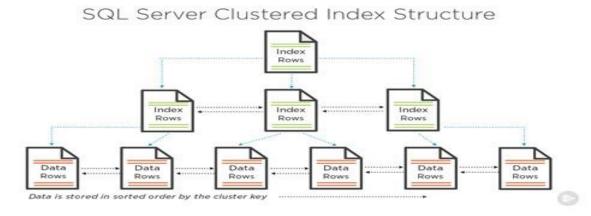
SQLServer được phát triển từ ngôn ngữ SEQUEL2 bởi IBM theo mô hình Codd tại trung tâm nghiên cứu của IBM ở California, vào những năm 70 cho hệ thống QTCSDL lớn.

Đầu tiên SQL Server được sử dụng trong các ngôn ngữ quản lý CSDL và chạy trên các máy đơn lẻ. Song do sự phát triển nhanh chóng của nhu cầu xây dựng những CSDL lớn theo mô hình khách chủ (trong mô hình này toàn bộ CSDL được tập trung trên máy chủ (Server)). Mọi thao tác xử lý dữ liệu được thực hiện trên máy chủ bằng các lệnh SQL máy trạm chỉ dùng để cập nhập hoặc lấy thông tin từ máy chủ). Ngày nay trong các ngôn ngữ lập trình bậc cao đều có sự trợ giúp của SQL. Nhất là trong lĩnh vực phát triển của Internet ngôn ngữ SQL càng đóng vai trò quan trọng hơn. Nó được sử dụng để nhanh chóng tạo các trang Web động.

SQL đã được viện tiêu chuẩn quốc gia Mỹ (ANSI)và tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO) chấp nhận như một ngôn ngữ chuẩn cho CSDL quan hệ. Nhưng cho đến nay chuẩn này chưa đưa ra đủ 100%. Nên các SQL nhúng trong các ngôn ngữ lập trình khác nhau đã được bổ xung mở rộng cho SQL chuẩn cho phù hợp với các ứng dụng của mình. Do vậy có sự khác nhau rõ ràng giữa các SQL.

2.1.5 Cấu trúc của SQL Server

SQL Server cơ bản dựa trên một cấu trúc bảng biểu, bao gồm các dòng kết nối các phần tử dữ liệu có liên quan trong các bảng khác nhau, do đó loại bỏ nhu cầu lưu trữ dữ liệu ở nhiều vị trí trong cơ sở dữ liệu. Mô hình quan hệ cũng cung cấp các tham chiếu và ràng buộc toàn vẹn nhằm duy trì độ chính xác của dữ liệu; các kiểm tra này là một phần thúc đẩy sự tuân thủ các nguyên tắc về tính nhất quán, tính độc lập và độ tin cậy – được gọi chung là các thuộc tính ACID và được thiết kế để đảm bảo cho các giao dịch cơ sở dữ liệu được xử lý ổn thỏa.



Sơ đồ 1: Sơ đồ cấu trúc của SQL Server

2.1.6 Úng dụng Windows Form

Giao tiếp với người dùng bằng bàn phím và mouse.

Có giao diện đồ họa và xử lý sự kiện.

Là ứng dụng được hiển thị với giao diện cửa sổ đồ họa. Chúng ta chỉ cần kéo và thả các điều khiển (control) lên cửa sổ Form. Visual Studio sẽ sinh mã trong chương trình để tạo ra, hiển thị các thành phần trên cửa sổ.

Để tạo ứng dụng Window ta làm như sau:

File → New → Project. Visual Studio sẽ trình bày hộp thoại New Project.

Trong hộp thoại New Project, kích biểu tượng ứng dụng Windows (Windows Application). Trong ô Name, gõ tên mô tả chương trình mà ta dự định tạo (tên dự án). Tiếp theo, trong ô Location, gõ tên của thư mục mà ta muốn Visual Studio lưu dự án. Nhấn **OK**. Visual Studio sẽ hiển thị cửa sổ thiết kế. Ta có thể kéo và thả các thành phần giao diện (control) lên Form.

Để hiển thị cửa số Toolbox chứa những điều khiển mà ta có thể kéo và thả lên Form, ta chọn $View \rightarrow Toolbox$ từ menu.

Biên dịch và chạy chương trình: Để biên dịch chương trình, ta chọn **Build** → **Build** Solution. Để chạy chương trình, ta chọn **Debug** → **Start**. Nếu ta có thay đổi nội dung của

Form, như đặt thêm điều khiển khác lên Form chẳng hạn, ta phải yêu cầu Visual Studio biên dịch lại.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết, tham khảo các tài liệu tham khảo về phân tích thiết kế hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu.
- Nghiên cứu tài liệu, ngôn ngữ và công nghệ có liên quan.
- Tổng hợp các tài liệu.
- Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin.
- Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.
- Phân tích yêu cầu thực tế của bài toán và xây dựng các bước phân tích hệ thống để hổ trợ việc lập trình xây dựng trang web.
- Đánh giá kết quả đạt được.

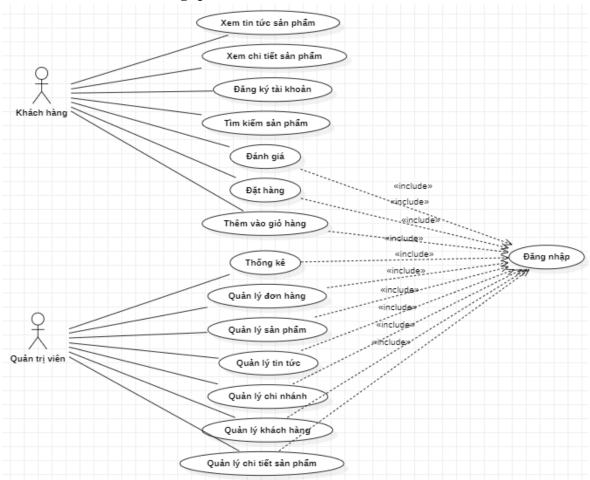
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ UML

3.1 Phân tích chức năng chương trình

- Chức năng quản trị: Thực hiện chức năng quản trị hệ thống website.
- + Đăng nhập: cho phép quản trị và người dùng đăng nhập.
- + Cập nhật thông tin : Cho phép quản trị sửa, xóa, phân quyền người dùng trong website.
- Chức năng quản lý sản phẩm: Thực hiện chức năng quản lý sản phẩm.
- + Cập nhật danh mục: cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa, sản phẩm.
- Chức năng quản lý đơn hàng: Thực hiện chức năng quản lý các đơn hàng, xử lý và giao hàng khi khách hàng thanh toán.
- + Cập nhật đơn hàng: Một số đơn hàng bị lỗi hoặc hóa đơn rác sẽ được xóa bỏ.
- + Xử lý hóa đơn: kiểm tra đơn hàng nếu thông tin chính xác thì hàng được giao, còn không thì báo cho khách.
- Chức năng tìm kiếm: Cho phép khách hàng tìm kiếm nhanh sản phẩm mình cần tìm
- + Tìm theo tên sản phẩm:cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm theo tên
- + Tìm kiếm theo giá sản phẩm : cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm theo 1 khoảng giá nào đó.
- Chức năng giỏ hàng: Cho phép khách hàng thấy được sản phẩm mình đã chọn
- + Thêm sản phẩm : cho phép khách hàng thêm sản phẩm mình ưng ý
- + Xóa sản phẩm: cho phép khách hàng xóa sản phẩm mình vừa thêm.
- Chức năng chi tiết sản phẩm: Cho phép khách thấy được các thông tin chi tiết của sản phảm, đọc các bình luận về sản phẩm, xem tin tức liên quan đến sản phẩm..
- + Thông tin chi tiết: Cho phép người xem thông tin chi tiết sản phẩm.
- + Xem tin tức: Cho phép người xem tin tức liên quan đến sản phẩm.
- + Xem bình luận: Cho phép người dùng xem và viết bình luận về sản phẩm

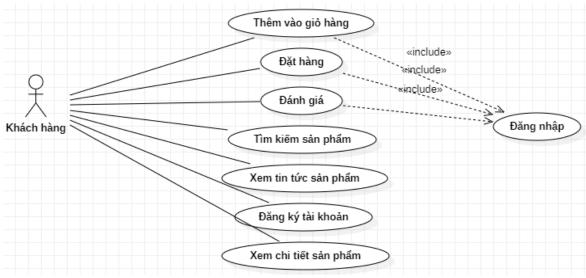
3.2 Sơ đồ usecase

3.2.1 Sơ đồ usecase tổng quát



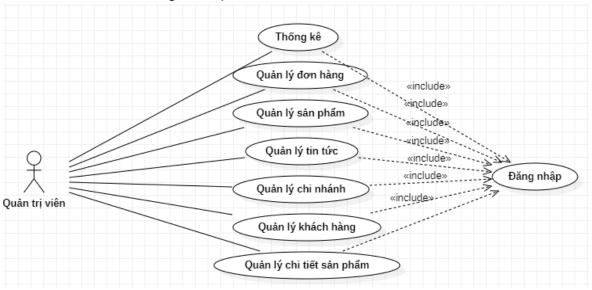
Sơ đồ 2: Sơ đồ usecase tổng quát

3.2.2 Sơ đồ usecase khách hàng



Sơ đồ 3: Sơ đồ usecase khách hàng

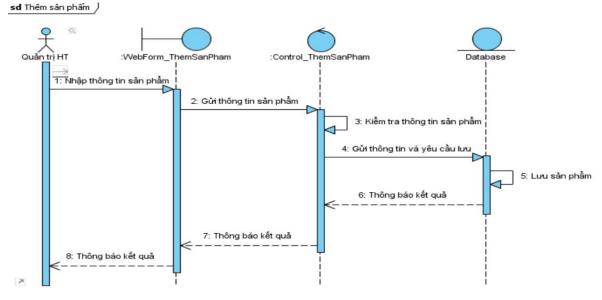
3.2.3 Sơ đồ usercase quản trị viên



Sơ đồ 4: Sơ đồ usecase quản trị viên

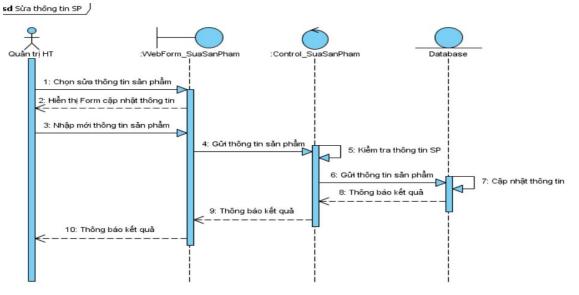
3.3 Sơ đồ tuần tự

3.3.1 Chức năng thêm sản phẩm



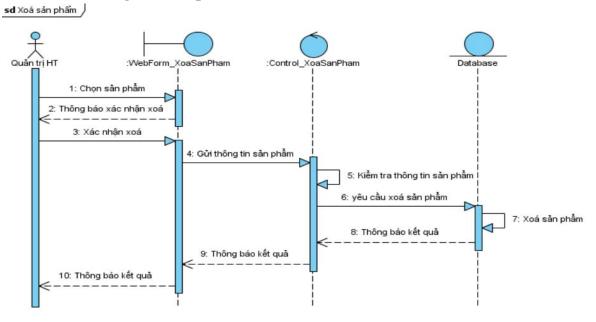
Sơ đồ 5: Sơ đồ tuần tự chức năng thêm sản phẩm

3.3.2 Chức năng sửa sản phẩm



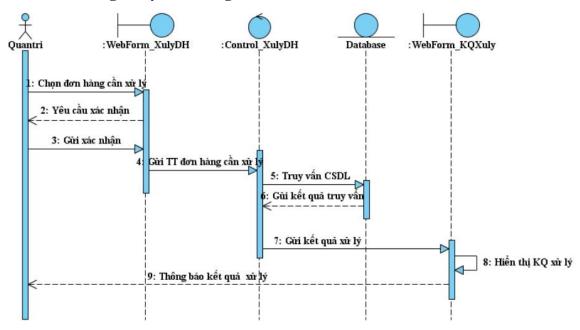
Sơ đồ 6: Sơ đồ tuần tự chức năng sửa sản phẩm

3.3.3 Chức năng xóa sản phẩm



Sơ đồ 7: Sơ đồ tuần tự chức năng xóa sản phẩm

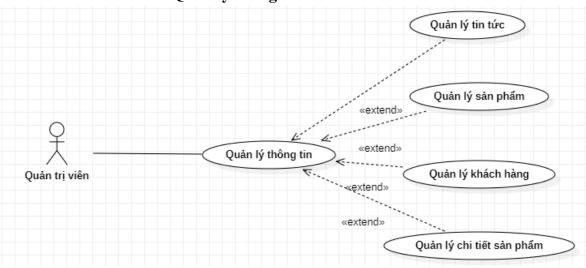
3.3.4 Chức năng xử lý đơn hàng



Sơ đồ 8: Sơ đồ tuần tự chức năng xử lý đơn hàng

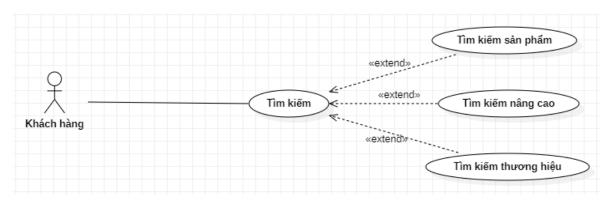
3.4 Sở đồ usecase phân rã chức năng

3.4.1 Phân rã usecase Quản lý thông tin



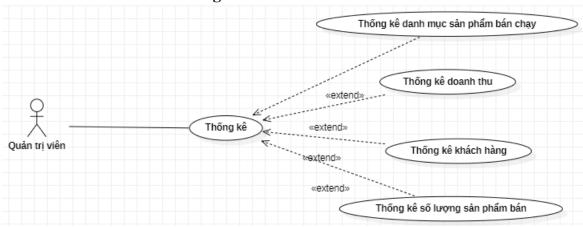
Sơ đồ 9: Phân rã usecase Quản lý thông tin

3.4.2 Phân rã usecase Tìm kiếm



Sơ đồ 10: Phân rã usecase Tìm kiếm

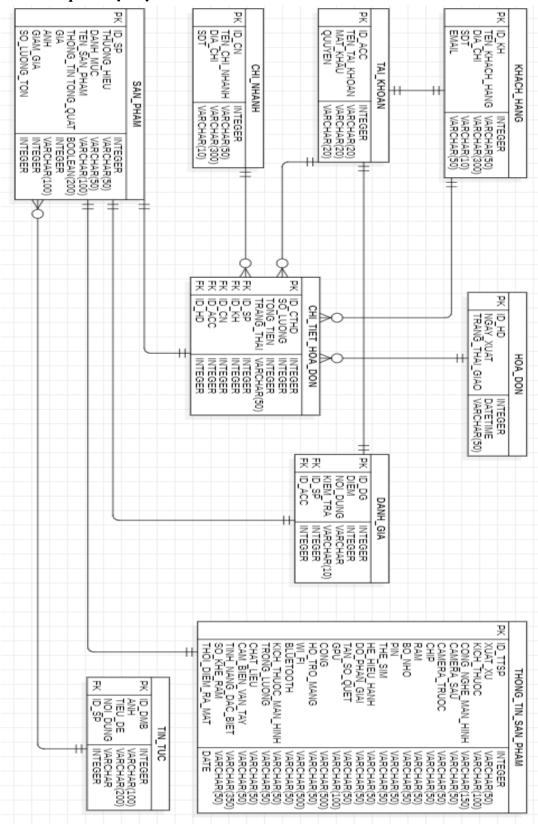
3.4.3 Phân rã usecase Thống kê



Sơ đồ 11: Phân rã usecase Thống kê

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

4.1 Sơ đồ quan hệ thực thể



Sơ đồ 12: Sơ đò quan hệ thực thể

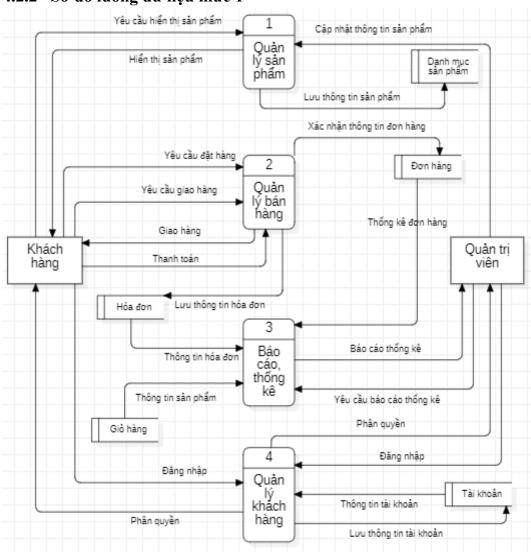
4.2 Các sơ đồ luồng dư liệu

4.2.1 Sơ đồ luồng dữ liệu ngữ cảnh



Sơ đồ 13: Sơ đồ luồng dữ liệu ngữ cảnh

4.2.2 Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1



Sơ đồ 14: Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1

4.3 Các bảng CSDL

4.3.1 Bång TAI_KHOAN

Bång 1: Bång TAI_KHOAN

	~	· ·	
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
8	ID_ACC	int	
	TEN_TAI_KHOAN	nvarchar(20)	
	MAT_KHAU	nvarchar(20)	
	QUYEN	nvarchar(10)	\checkmark

4.3.2 Bảng TIN_TUC

Bảng 2: Bảng TIN_TUC

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
P	ID_DMB	int	
	ID_SP	int	
	ANH	nvarchar(100)	\checkmark
	TIEU_DE	nvarchar(200)	\checkmark
	NOI_DUNG	nvarchar(MAX)	\checkmark

4.3.3 Bång CHI_NHANH

Bång 3: Bång CHI_NHANH

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
P	ID_CN	int	
	TEN_CHI_NHANH	nvarchar(50)	
	DIA_CHI	nvarchar(300)	\checkmark
	SDT	varchar(10)	\checkmark

4.3.4 Bång CHI_TIET_HOA_DON

Bång 4: Bång CHI_TIET_HOA_DON

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
8	ID_CTHD	int	
	ID_SP	int	\checkmark
	ID_KH	int	\checkmark
	ID_CN	int	\checkmark
	ID_ACC	int	\checkmark
	ID_HD	int	\checkmark
	SO_LUONG	int	\checkmark
	TONG_TIEN	int	\checkmark
	TRANG_THAI	nvarchar(10)	\checkmark

4.3.5 Bång DANH_GIA

Bảng 5: Bảng DANH_GIA

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
8	ID_DG	int	
	ID_SP	int	\checkmark
	DIEM	int	\checkmark
	NOI_DUNG	nvarchar(MAX)	\checkmark
	KIEM_TRA	nvarchar(10)	\checkmark
	ID_ACC	int	\checkmark

4.3.6 Bång HOA_DON

Bảng 6: Bảng HOA_DON

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
8	ID_HD	int	
	NGAY_XUAT	datetime	\checkmark
	TRANG_THAI_GIAO	nvarchar(50)	$\overline{\checkmark}$

4.3.7 Bång KHACH_HANG

Bảng 7: Bảng KHACH_HANG

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
P	ID_KH	int	
	TEN_KHACH_HANG	nvarchar(50)	\checkmark
	DIA_CHI	nvarchar(300)	\checkmark
	SDT	varchar(10)	\checkmark
	EMAIL	nvarchar(50)	\checkmark

4.3.8 Bång SAN_PHAM

Bảng 8: Bảng SAN_PHAM

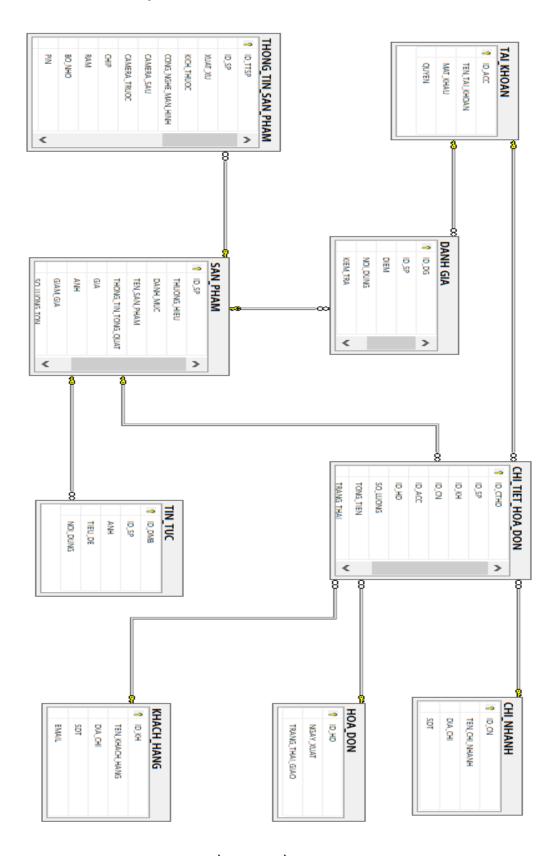
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
P	ID_SP	int	
	THUONG_HIEU	nvarchar(50)	
	DANH_MUC	nvarchar(50)	
	TEN_SAN_PHAM	nvarchar(100)	
	THONG_TIN_TONG_QUAT	nvarchar(200)	\checkmark
	GIA	int	
	ANH	nvarchar(100)	\checkmark
	GIAM_GIA	int	\checkmark
	SO_LUONG_TON	int	\checkmark

4.3.9 Bång THONG_TIN_SAN_PHAM

Bång 9: Bång THONG_TIN_SAN_PHAM

Dung 7. Dung THONG_THV_DINV_THINH				
	Column Name	Data Type	Allow Nulls	
P	ID_TTSP	int		
	ID_SP	int	\checkmark	
	XUAT_XU	nvarchar(50)	\checkmark	
	KICH_THUOC	nvarchar(100)	\checkmark	
	CONG_NGHE_MAN_HINH	nvarchar(150)	\checkmark	
	CAMERA_SAU	nvarchar(50)	\checkmark	
	CAMERA_TRUOC	nvarchar(50)	\checkmark	
	CHIP	nvarchar(50)	\checkmark	
	RAM	nvarchar(50)	\checkmark	
	BO_NHO	nvarchar(50)	\checkmark	
	PIN	nvarchar(50)	\checkmark	
	THE_SIM	nvarchar(50)	\checkmark	
	HE_DIEU_HANH	nvarchar(50)	\checkmark	
	DO_PHAN_GIAI	nvarchar(50)	\checkmark	
	TAN_SO_QUET	nvarchar(50)	\checkmark	
	GPU	nvarchar(100)	\checkmark	
	CONG	nvarchar(500)	\checkmark	
	HO_TRO_MANG	nvarchar(50)	\checkmark	
	WI_FI	nvarchar(500)	\checkmark	
	BLUETOOTH	nvarchar(50)	\checkmark	
	KICH_THUOC_MAN_HINH	nvarchar(50)	\checkmark	
	TRONG_LUONG	nvarchar(50)	\checkmark	
	CHAT HEH			
	CHAT_LIEU	nvarchar(50)	\square	
	CAM_BIEN_VAN_TAY	nvarchar(50)	\square	
	TINH_NANG_DAC_BIET	nvarchar(350)		
	SO_KHE_RAM	nvarchar(50)		
	THOI_DIEM_RA_MAT	date	\checkmark	

4.4 Sơ đồ cơ sở dữ liệu

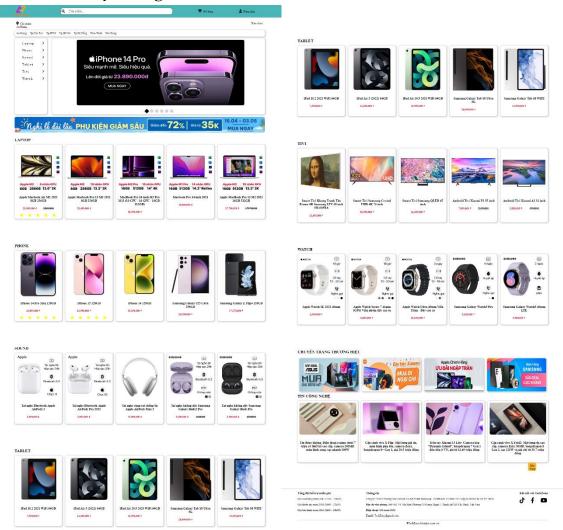


Sơ đồ 15: Sơ đồ cơ sở dữ liệu

CHƯƠNG 5: ĐẶT TẢ GIAO DIỆN

5.1 Giao diện người dùng

5.1.1 Giao diện trang chủ



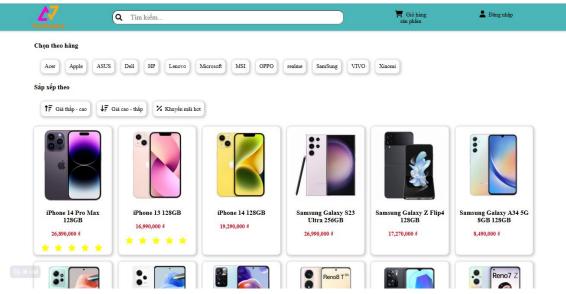
Hình 3: Giao diện trang chủ

Trang chủ của website được chia thành 3 phần:

- Phần 1: (header) là phần trên đầu trang web. Phần này bảo gồm các thành phần như: Logo, thanh tiềm kím, nút chuyển trang giỏ hàng, nút chuyển trang đăng nhập.
- Phần 2: (main) là phần chưa nội dung chính của trang chủ. Phần này có các thành phần như: Menu chi chánh, Tên đăng nhập của người dùng, menu danh mục và thương hiệu, các sản phẩm được chia theo các danh mục tương úng, chuyển trang tất cả sản phẩm theo thương hiệu, chuyển trang tin tức tương ứng.

- Phần 3: (footer) là phần cuối trang web. Phần này chứa các thông tin chung của trang web, các phương thức liên hệ.

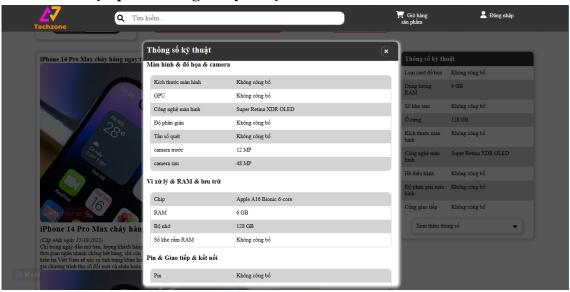
5.1.2 Giao diện trang sản phẩm



Hình 4: Giao diện trang sản phẩm

Trang sản phẩm hiển thị thông tin của tất cả các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng bao gồm ảnh sản phẩm, tên sản phẩm và giá. Muốn xem thêm các thông tin chi tiết của sản phẩm, khách hàng chỉ cần click vào ảnh sản phẩm hoặc tên sản phẩm để liên kết đến trang chi tiết sản phẩm.

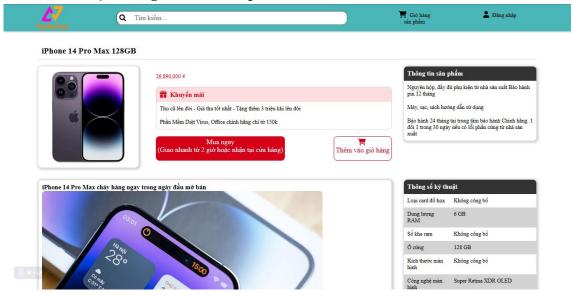
5.1.3 Giao diện phần thông số kỹ thuật



Hình 5: Giao diện phần thông số kỹ thuật

Hiện thị chi tiết các thông số của sản phẩm.

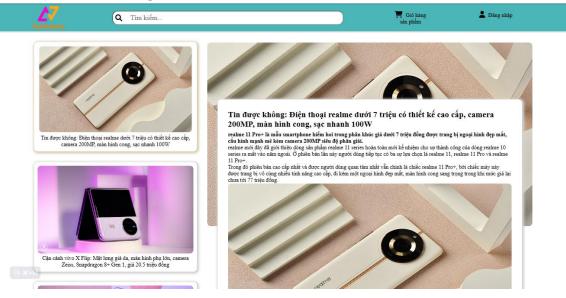
5.1.4 Giao diện trang chi tiết sản phẩm



Hình 6: Giao diện trang chi tiết sản phẩm.

Trang chi tiết sản phẩm hiển thị các thông tin chi tiết của sản phẩm như trên. Sau khi đã xem chi tiết các thông tin về sản phẩm, nếu ưng ý khách hàng nhấn nút Thêm vào giỏ hàng để cho sản phẩm vào giỏ hàng của mình chờ thanh toán.

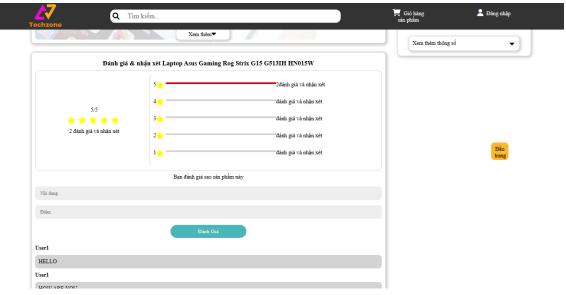
5.1.5 Giao diện trang tin tức



Hình 7: Giao diện trang tin tức

Trang tin tức là phần hiện thị các tin tức mới nhất của các sản phẩm có trên thị trường, giúp người dùng biết thêm thông tin về sản phẩm sắp ra mắt

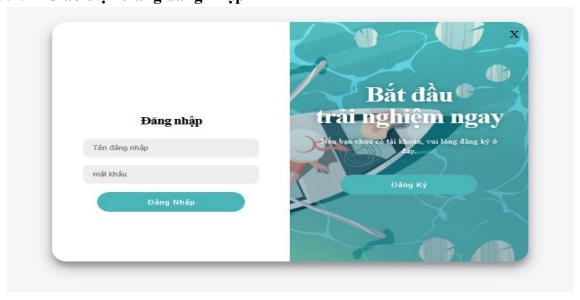
5.1.6 Giao diện phần đánh giá và bình luận



Hình 8: Giao diện phần đánh giá và bình luận

Khách hàng muốn đánh giá sản phẩm cần click vào nút đánh giá, nếu như khách hàng đã đăng nhập thì thì sẽ hiện lên 2 textbox để khách hàng viết nội dung và điểm. Phần nội dung sẽ hiện trực tiếp bên dưới nút đánh giá.

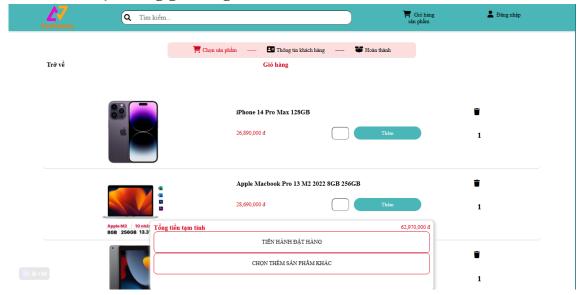
5.1.7 Giao diện trang đăng nhập



Hình 9: Giao diện trang đăng nhập

Khách hàng muốn thanh toán để mua sản phẩm thì phải đăng nhập vào websites. Thông tin đăng nhập bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu. Nếu chưa có tài khoản bạn hãy nhấn vào đăng kí.

5.1.8 Giao diện trang giỏ hàng



Hình 10: Giao diện trang giỏ hàng

Giỏ hàng là trang lưu trữ các sản phẩm mà khách hàng đã chọn mua. Tại đây khách hàng có thể:

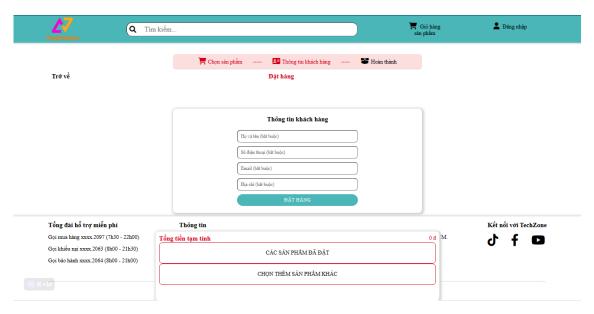
- Sửa số lượng: bằng cách nhập số lượng mới vào textbox SL rồi nhấn nút Thêm
- Xóa sản phẩm: click vào icon thùng rác sản phẩm muốn xóa.
- Tiếp tục mua hàng: bằng cách nhấn vào nút chọn thêm sản phẩm khác hệ thống sẽ quay lại trang chủ để bạn có thể xem các sản phẩm cùng loại.
- Thanh toán: Khi bạn đã chắc chắn muốn mua các sản phẩm có trong giỏ hàng bạn hãy nhấn nút tiến hành đặt hàng để đến phần nhập thông tin khác hàng.

5.1.9 Giao diện trang báo lỗi 404 Error



Hình 11: Giao diên trang báo lỗi 404 Error

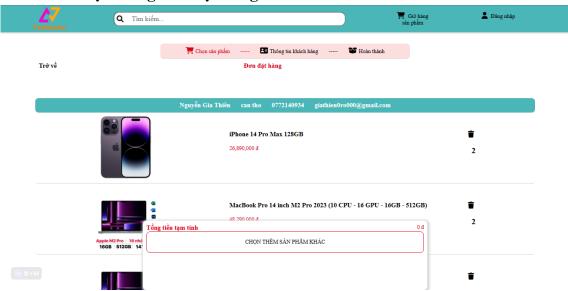
1.1.1 Giao diện trang đặt hàng



Hình 12: Giao diện trang đặt hàng

Để có thể hoàn tất thanh toán người dùng cần nhập đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

1.1.1 Giao diện trang đơn đặt hàng

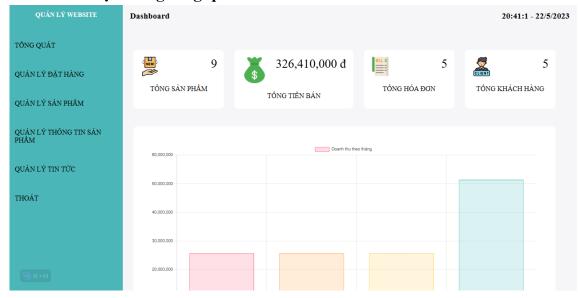


Hình 13: Giao diện trang đơn đặt hàng

Phần này hiện thị cho người dùng về thông tin đặt hàng.

5.2 Giao diện quản trị

5.2.1 Giao diện trang tổng quát

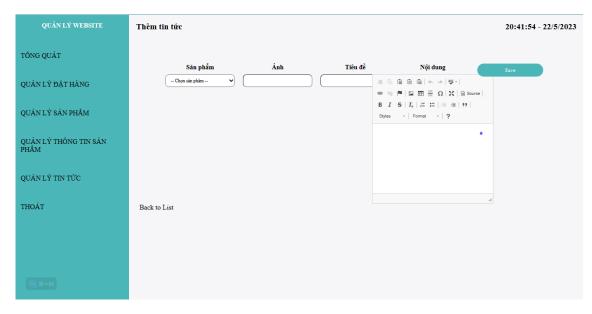


Hình 14: Giao diện trang tổng quát

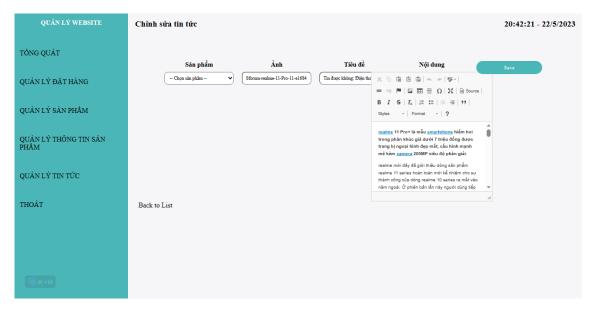
5.2.2 Giao diện trang quản lý tin tức



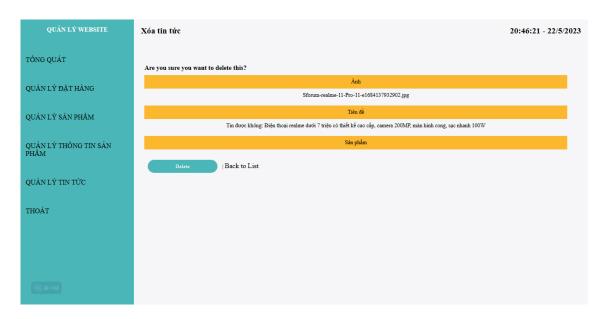
Hình 15: Giao diện trang quản lý tin tức



Hình 16: Giao diện trang thêm tin tức



Hình 17: Giao diện trang sửa tin tức

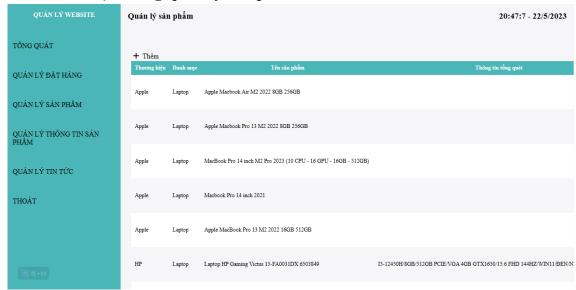


Hình 18: Giao diện trang xóa tin tức

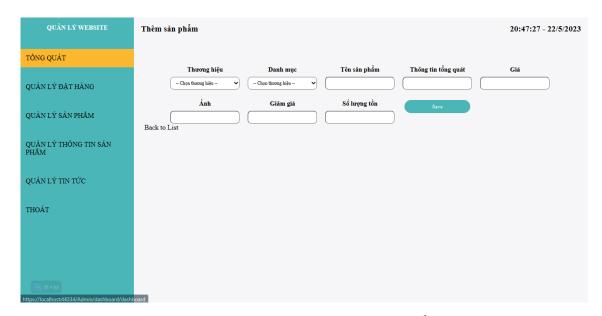


Hình 19: Giao diện trang chi tiết tin tức

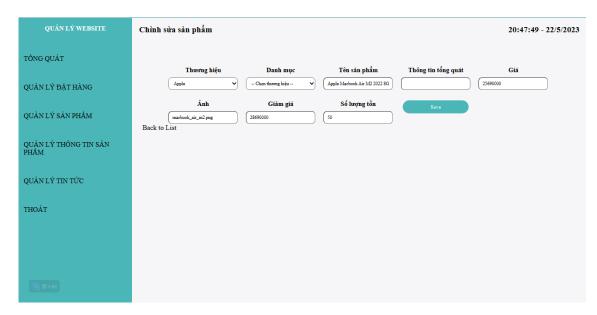
5.2.3 Giao diện trang quản lý sản phẩm



Hình 20: Giao diện trang quản lý sản phẩm



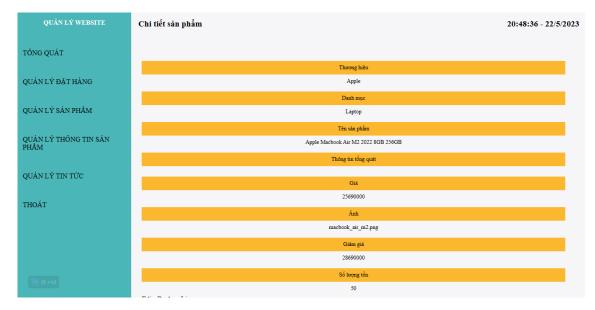
Hình 21: Giao diện trang thêm sản phẩm



Hình 22: Giao diện trang sửa sản phẩm

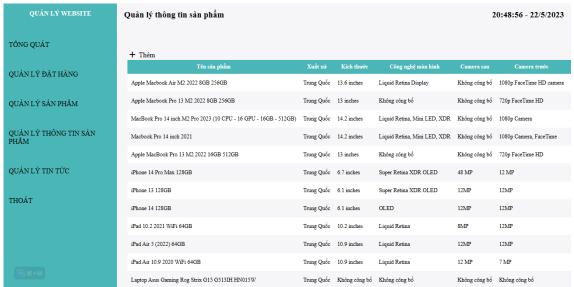


Hình 23: Giao diện trang xóa sản phẩm



Hình 24: Giao diện trang chi tiết sản phẩm

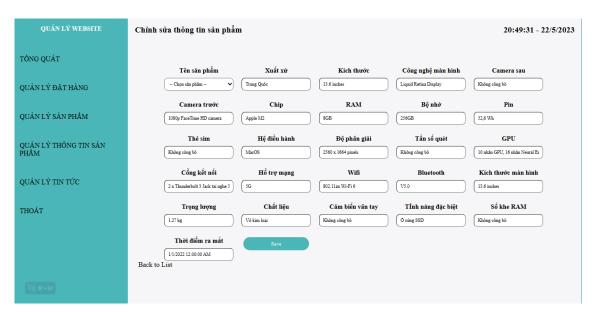
5.2.4 Giao diện trang quản lý thông tin sản phẩm



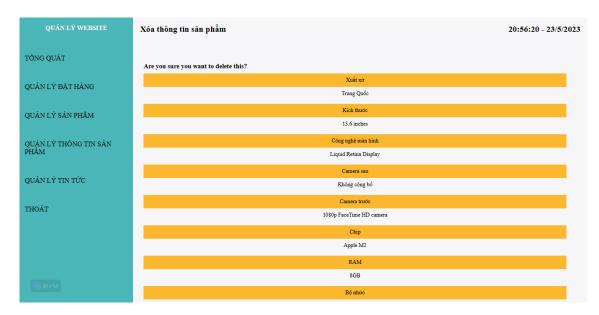
Hình 25: Giao diện trang quản lý thông tin sản phẩm



Hình 26: Giao diện trang thêm thông tin sản phẩm



Hình 27: Giao diện trang sửa thông tin sản phẩm

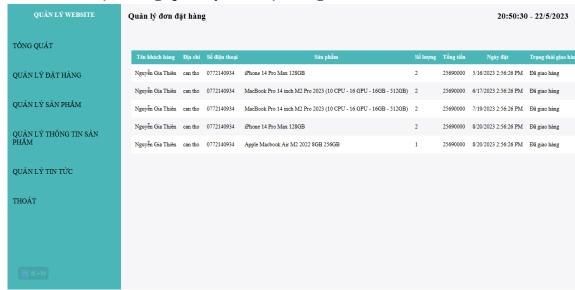


Hình 28: Giao diện trang xóa thông tin sản phẩm



Hình 29: Giao diện trang chi tiết thông tin sản phẩm

5.2.5 Giao diện trang quản lý đơn đặt hàng



Hình 30: Giao diện trang quản lý đơn đặt hàng



Hình 31: Giao diện trang chi tiết đơn đặt hàng

CHƯƠNG 6: THỬ NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

Mỗi phần mềm đều có điểm mạnh, yếu tùy thuộc vào khả năng và cách thức phát triển của người lập trình. Hơn nữa, trong quá trình phát triển việc mắc phải các lỗi không mong muốn là điều khó tránh khỏi, các lỗi ngoại lệ phát xin trong quá trình lập trình phần mềm và cũng khó kiếm soát được. Phần mềm xây dựng ở mức tương đối chứ không hẳn đã hoàn chỉnh về mọi mặt.

Chức năng tìm kiếm, quản lý của phần mềm đã phần nào giúp cho việc quản lý, hoạt động của trang Web được hiệu quả và tiết kiệm thời gian hơn trong công việc.

Chức năng đăng nhập giúp cho Admin có thể bảo mật tốt hơn việc bảo mật thông tin cá nhân và khách hàng, cũng như các thông tin của trang Web.

Chức năng thống kê giúp trang Web nắm được rõ hơn về các sản phẩm, chi tiết sản phẩm và các đơn hàng của khách hàng, giúp việc thống kê số liệu được dễ dàng hơn.

Kết quả đạt được sau khi xây dựng xong trang Web, hầu hết đã thiết kế hoàn thiện các giao diện và chức năng xử lý của từng giao diện.

Các giao diện và chức năng xử lý chính.

- Đăng nhập
- Tìm kiếm
- Tạo đơn hàng
- Duyệt sản phẩm của khách hàng
- Xem chi tiết đơn hàng
- Thêm mới các sản phẩm,
- · Xem doanh thu
- Xem tin tức sản phẩm
- Đánh giá và nhận xét sản phẩm

CHƯƠNG 7: KẾT LUẬN

7.1 Nhận xét

Xây dựng trang Web bán hàng online là một đề tài rất hay và được nhiều ở các cửa hàng hiện nay. Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã tiếp thu được nhiều kiến thức bổ ích cũng như nắm bắt được quá trình và các kỹ năng để tạo ra một sản phẩm phần mềm ứng dụng.

Tuy nhiên, do trình độ và thời gian tìm hiểu có hạn nên đề tài của em đã hoàn thành được một số kết quả nhất định cũng như chỉ ra cho em thấy một số những vướng mắc mà em chưa làm được. Qua đó giúp em sẽ có những định hướng phát triển cho trang Web của mình.

7.2 Ưu điểm

Hiểu được các chức năng, mua bán và trao đổi thông tin, cách hoạt động và quản lý trang Web, cách xây dựng phần mềm quản lý.

Phân tích và thiết kế hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu cho phần mềm quản lý.

Sử dụng các công cụ hỗ trợ về phân tích thiết kế hệ thống, thiết kế dữ liệu, công cụ lập trình.

Sử dụng phần mềm hổ trợ báo cáo đề tài Microsoft Word 2016,

7.3 Nhược điểm

Các chức năng của ứng dụng chưa thực sự tối ưu.

Còn hạn chế trong việc lập trình c# windows form.

Phần mềm chưa hoàn thiện để áp dụng vào sử dụng thực tế, còn các lỗi về dữ liêu.

7.4 Hướng phát triển

Mở rộng và nâng cấp ứng dụng để có thể hoàn hiện hơn.

Tối ưu hơn các chức năng của ứng dụng.

Mở rộng thêm các chức năng quản lý để phù hợp với thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Đức, Ngô Trí Dũng, Lưu Bá Mạnh. Xây dựng WEBSITE Bán Hàng Quần Áo- Giày Dép. Luận văn tốt nghiệp Đại học ngành Hệ thống thông tin. Trường Thăng Long -APTECH Khóa Học Lập Trình Viên PHP
- [2] Võ Thị Linh (CĐKT Tin K37), Lập Trình Ứng Dụng Web với PHP- Xây dựng Webdite bán hàng giày dép qua mạng. Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Vinh Khoa Công Nghệ Thông Tin Bộ Môn Công Nghệ Phần Mềm.
- [3] PGS.TS. Nguyễn Văn Vy, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội. 254 trang.
- [4] Nguyễn Thị Thu Khuyên (CT1501). Xây Dựng Chương Trình Quản Lý Nhập Và Bán Hàng Cho Cửa Hàng Giày Chuẩn 68. Đồ án tốt nghiệp Đại học hệ chính qui ngành Công nghệ thông tin. Đại học Dân Lập Hải Phòng.
- [5] Adam Freeman. Pro ASP.NET MVC 5
- [6] Adam Freeman. Pro ASP.NET MVC 4

PHŲ LŲC

1.BÌA NGOÀI	0
2. BÌA TRONG	0
3. LÒI CẨM TẠ	i
4. NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN	ii
5. MỤC LỤC	iv
6. DANH SÁCH CÁC ẢNH	1
7. DANH SÁCH CÁC BIỂU ĐỒ	2
8. DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
9. CHƯƠNG 1. KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG	5
10. CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỦU	7
11. CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ UML	12
12. CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	16
13. CHƯƠNG 5. ĐẶT TẢ GIAO DIỆN	26
14. CHƯƠNG 6. THỬ NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH	42
15. CHƯƠNG 7. KẾT LUẬN	43
16. TÀI LIÊU THAM KHẢO	44